

Mẫu số 02 - Phụ lục VII

BẢN KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU (CARGO MANIFEST)								
TT	Số vận đơn chủ (Airway Bill Number)	Mô tả từng loại hàng hóa trên vận đơn chủ (Manifest Description Nature of Goods).	Phân loại đóng hàng đối với vận đơn (Packing type)	Trọng lượng (Weight)	Số lượng hàng hóa trên vận đơn chủ (Number of Pieces)	Mã cảng/sân bay nơi hàng hoá vận chuyển đi (Airport Code)	Mã cảng/sân bay dỡ hàng (Airport Code of Unloading)	Thời gian dự kiến dỡ hàng (Estimated unloading time)
Tổng (Total)								

....., ngày (date) tháng (month) ... năm(year)..

NGƯỜI KHAI HẢI QUAN (SIGNATURE OF DECLARANT)